

Bản án số: 07/2025/LĐ-ST  
Ngày: 20 – 01 – 2025  
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động  
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Văn Công Thức

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Trần Thị Đổi.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 183/2024/TLST – LĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa:

**1. Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Thu S, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH O (tên cũ: Công ty TNHH H); Địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông CHOE YOUNG KYU – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần S1 – Giám đốc (xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn bà Võ Thị Thu S do ông Võ Hoài P đại diện trình bày:*

Từ tháng 7/2010 đến tháng 8/2010, bà Võ Thị Thu S làm việc tại Công ty cổ phần K, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 7910244063. Từ tháng 10/2010 đến tháng 6/2023, bà Võ Thị Thu S làm việc tại Công ty TNHH P1, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 7910424021.

Vì muốn giúp đỡ bà Nguyễn Thị Kim T có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà S cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân để bà T đi làm tại Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH O1 trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010. Khi bà T mang tên bà S làm việc tại Công ty TNHH H thì bà T cũng tham gia bảo hiểm mang tên Võ Thị Thu S với sổ bảo hiểm xã hội số 8010014230.

Việc bà cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH H không phải do bản thân bà S thực hiện. Hiện nay tồn tại các sổ bảo hiểm xã hội là số 7910244063, số 7910424021 và số 8010014230 cùng mang tên là Võ Thị Thu S nên bà S không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Võ Thị Thu S (do bà Nguyễn Thị Kim T làm việc) với Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010;

2/ Điều chỉnh tên Võ Thị Thu S trên sổ bảo hiểm xã hội số 8010014230 từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010 tại Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) thành tên Nguyễn Thị Kim T.

*Bị đơn Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T có văn bản trình bày:* Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Võ Thị Thu S để vào làm việc tại Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH O1 từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010 và có tham gia bảo hiểm xã hội. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà S và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:* Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y

tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH O1 có tham gia bảo hiểm cho bà Võ Thị Thu S từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010 với sổ bảo hiểm số 8010014230, bà S chưa hưởng chế độ BHXH một lần và chưa hưởng BHTN với thời gian đóng nêu trên.

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH tỉnh L thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

*Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu S về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Thu S (do bà Nguyễn Thị Kim T thực hiện) với Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH O1) từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010; Điều chỉnh tên Võ Thị Thu S trên sổ bảo hiểm xã hội số 8010014230 thành tên Nguyễn Thị Kim T. Bởi vì thực tế bà Võ Thị Thu S không phải là người lao động mà bà Nguyễn Thị Kim T mới là người lao động tại Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH O1).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu S nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Võ Thị Thu S là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) là người bị kiện được xác định là bị đơn.

Bà Nguyễn Thị Kim T và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Võ Thị Thu S khởi kiện Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà S có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Võ Thị Thu S có nộp Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội với sổ BHXH số 7910244063 và số 7910424021.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Võ Thị Thu S khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Võ Thị Thu S nhưng do bà Nguyễn Thị Kim T là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) là vô hiệu. Tuy nhiên bà Võ Thị Thu S không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) có tham gia bảo hiểm cho bà Võ Thị Thu S từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010 với sổ bảo hiểm số 8010014230 nên có căn cứ xác định giữa bà Võ Thị Thu S với Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010.

[2.2]. Xét thấy, bà Võ Thị Thu S có cho bà Nguyễn Thị Kim T mượn chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Thu S để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội gian từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010 tại Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) theo sổ BHXH số 8010014230. Trong khi đó bà Võ Thị Thu S cũng trực tiếp tham gia lao động tại

Công ty cổ phần K và Công ty TNHH P1, bà S có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 910244063 và số 7910424021.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010 thì người mang tên Võ Thị Thu S cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại các doanh nghiệp là Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H), Công cổ phần kinh doanh N và Công ty TNHH P1.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị Kim T tham gia trực tiếp lao động với Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Võ Thị Thu S là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Thu S với Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Võ Thị Thu S trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8010014230 trong giai đoạn từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010 tại Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) thành tên Nguyễn Thị Kim T.

[3]. Bà Nguyễn Thị Kim T, Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Thu S tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu S về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H).

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Thu S (do bà Nguyễn Thị Kim T là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH O1 (tên cũ là Công ty TNHH H) từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010;

1.2. Điều chỉnh tên Võ Thị Thu S trên sổ bảo hiểm số 8010014230 trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 7 năm 2010 thành tên Nguyễn Thị Kim T.

Bà Võ Thị Thu S và bà Nguyễn Thị Kim T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh L để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8010014230 từ tên Võ Thị Thu S thành tên Nguyễn Thị Kim T.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu S tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005953 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà S đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Văn Công Thức**